

Số: 2062/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 08 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc triển khai Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực Thông tin và Truyền thông trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ về quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ về quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực Thông tin và Truyền thông trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 1799/TTr-STTTT ngày 25 tháng 7 năm 2022 về dự thảo Quyết định về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực Thông tin và Truyền thông trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Triển khai thực hiện Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực Thông tin và Truyền thông trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (Nghị quyết kèm theo).

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước ngành Thông tin và Truyền thông được áp dụng theo hiệu lực của Nghị quyết số 21/NQ-HĐND.

2. Quyết định này bãi bỏ Quyết định số 604/QĐ-UBND ngày 18 tháng 02 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực thông tin và truyền thông trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, các thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, các Phó Chánh VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS, KGVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Sơn Hùng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 21/NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày 08 tháng 7 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Về Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc
lĩnh vực thông tin và truyền thông trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
KHÓA X KỲ HỌP THỨ 8**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính
phủ về Quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch
vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;*

*Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của
Chính phủ về Quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Xét Tờ trình số 77/TTr-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân
dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử
dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực thông tin và truyền thông trên địa bàn tỉnh
Đồng Nai; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa Xã hội - Hội đồng nhân dân tỉnh;
ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách
nhà nước lĩnh vực thông tin và truyền thông trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, như
sau:

1. Dịch vụ báo chí, xuất bản, thông tin cơ sở.
2. Dịch vụ công nghệ thông tin.

(Phụ lục danh mục kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai, thực hiện Nghị
quyết này và báo cáo kết quả thực hiện cho Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy
định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại
biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc
thực hiện Nghị quyết này.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của Nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai khóa X Kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 08 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 08 tháng 7 năm 2022. /.

Nơi nhận

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính Phủ;
- Văn phòng Quốc hội (A+B);
- Văn phòng Chính phủ (A + B);
- Vụ Pháp chế - Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VB.QPPL - Bộ Tư pháp;
- Bí thư Tỉnh ủy;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN và các đoàn thể;
- Các Sở, ban, ngành của tỉnh;
- VKSND, TAND, CTHADS tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp huyện;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Báo Đồng Nai, Đài PT-TH Đồng Nai;
- Lưu: VT, PCTHĐ.



Thái Bảo



Phụ lục
DANH MỤC DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
LĨNH VỰC THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI
(Kèm theo Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai)

STT	Tên dịch vụ sự nghiệp công
I	Dịch vụ báo chí, xuất bản, thông tin cơ sở
1	Thông tin tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị
2	Thông tin tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ đảm bảo an ninh - quốc phòng
3	Thông tin tuyên truyền phục vụ tuyên truyền đối ngoại
4	Thông tin tuyên truyền phục vụ thiếu niên, nhi đồng, người khiếm thính, khiếm thị, đồng bào dân tộc thiểu số và các nhiệm vụ trọng yếu khác phù hợp với từng thời kỳ theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ
5	Đo lường mức độ tiếp cận, sử dụng thông tin của khán giả phục vụ đánh giá hiệu quả nội dung thông tin tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị, an ninh - quốc phòng, đối ngoại và phát triển kinh tế - xã hội.
6	Xuất bản phẩm về lý luận, chính trị
7	Xuất bản phẩm cần phổ biến rộng rãi nhằm phục vụ nhiệm vụ chính trị, xã hội trọng yếu: tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ quyền quốc gia, an ninh, quốc phòng; văn hóa - xã hội, văn học - nghệ thuật; khoa học - công nghệ; kinh tế, nông nghiệp, nông thôn; phòng, chống dịch bệnh, thiên tai, hiểm họa, phục vụ cộng đồng.
8	Xuất bản phẩm phục vụ nhiệm vụ thông tin đối ngoại.
9	Xuất bản phẩm phục vụ thiếu niên, nhi đồng; đồng bào dân tộc thiểu số, người khiếm thị và các nhiệm vụ trọng yếu khác.
II	Dịch vụ công nghệ thông tin
1	Điều phối hoạt động ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng của các cơ quan Đảng, nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội
1.1	Điều phối, ứng cứu an toàn thông tin mạng
1.2	Khắc phục sự cố an toàn thông tin mạng
2	Thu thập, phân tích và cảnh báo nguy cơ, sự cố tấn công mạng cho các cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội
3	Diễn tập phòng, chống tấn công mạng đảm bảo an toàn thông tin cho các lĩnh vực quan trọng của Đảng, Nhà nước
4	Giám sát phòng, chống, ngăn chặn thư rác, tin nhắn rác cho các cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội
5	Giám sát an toàn thông tin cho các lĩnh vực quan trọng và hệ thống thông tin phục vụ Chính phủ điện tử
6	Rà quét, xử lý mã độc cho các cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội

7	Kiểm tra, đánh giá, phát hiện lỗ hổng bảo mật, điểm yếu an toàn thông tin cho các cơ quan nhà nước
8	Vận hành, bảo trì, bảo dưỡng hạ tầng công nghệ thông tin cho các cơ quan Đảng, nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội.
8.1	Vận hành hệ thống máy chủ
8.2	Vận hành hệ thống tường lửa Firewall
8.2.1	Thiết bị tường lửa Firewall
8.2.2	Phần mềm tường lửa Firewall
8.3	Vận hành thiết bị phòng chống tấn công DDOS
8.4	Vận hành thiết bị cân bằng tải
8.5	Vận hành hệ thống lưu trữ (NAS, DAS)
8.6	Vận hành thiết bị lưu điện
8.7	Vận hành hệ thống giám sát môi trường
8.8	Vận hành các thiết bị mạng (Router, Switch)
8.8.1	Router
8.8.2	Switch
8.8.3	Modem
8.9	Vận hành hệ thống thiết bị viễn thông khác
8.9.1	PatchPanel
8.9.2	ODF
8.10	Vận hành hệ thống camera giám sát
8.11	Vận hành bảng led điện tử
8.12	Vận hành hệ thống kiểm soát truy cập mạng - NAC
8.13	Vận hành hệ thống phần mềm quản lý truy cập đặc quyền - PAM
8.14	Vận hành phần mềm quản lý lỗ hổng liên tục
8.15	Vận hành phần mềm quét lỗ hổng website
8.16	Vận hành hệ thống trung tâm (SIEM, APT, IDS, BIGDATA, AI)
8.17	Bảo trì hệ thống máy chủ
8.18	Bảo trì hệ thống tường lửa Firewall
8.18.1	Thiết bị tường lửa Firewall
8.18.2	Phần mềm tường lửa Firewall
8.19	Bảo trì thiết bị phòng chống tấn công DDOS
8.20	Bảo trì thiết bị cân bằng tải
8.21	Bảo trì hệ thống lưu trữ
8.22	Bảo trì hệ thống lưu điện
8.23	Bảo trì hệ thống giám sát môi trường
8.24	Bảo trì các thiết bị mạng
8.24.1	Switch
8.24.2	Router
8.24.3	Modem
8.25	Bảo trì thiết bị viễn thông khác
8.25.1	PatchPanel
8.25.2	ODF

8.25.3	Dây nhảy
8.26	Bảo trì hệ thống camera giám sát
8.27	Bảo trì bảng led điện tử
8.28	Bảo trì hệ thống kiểm soát truy cập mạng - NAC
8.29	Bảo trì, nâng cấp hệ thống phần mềm quản lý truy cập đặc quyền - PAM
9	Xây dựng, vận hành, bảo trì, nâng cấp các phần mềm, cơ sở dữ liệu của cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội.
9.1	Vận hành, bảo trì, nâng cấp phần mềm Cổng/Trang thông tin điện tử
9.2	Vận hành, bảo trì, nâng cấp phần mềm dịch vụ công trực tuyến
9.3	Vận hành, bảo trì, nâng cấp hệ thống tích hợp, liên thông, chia sẻ dữ liệu
9.4	Vận hành, bảo trì, nâng cấp phần mềm ứng dụng chuyên ngành
9.5	Vận hành, bảo trì, nâng cấp phần mềm bảo mật, an toàn, an ninh mạng
9.6	Vận hành, bảo trì, nâng cấp phần mềm thư điện tử
9.7	Vận hành, bảo trì, nâng cấp các phần mềm khác (điều hành tác nghiệp, văn bản...)
10	Lưu trữ, số hóa, xây dựng, nâng cấp cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu dùng chung của các cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội.
10.1	Thu thập dữ liệu
10.2	Đánh giá và phân loại dữ liệu
10.3	Xây dựng dữ liệu đặc tả
10.4	Nhập dữ liệu
10.5	Số hóa và chuyển đổi dữ liệu
10.6	Kiểm tra dữ liệu đã tạo lập
10.7	Nghiệm thu và bàn giao sản phẩm